

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ VI RÚT VÀ CÁC BỆNH DO HPV CỦA NAM SINH VIÊN KHỐI Y HỌC DỰ PHÒNG NĂM 2024

Đỗ Viết Hải Nam¹, Nguyễn Thị Ngát², Bùi Huyền Trang¹
Lê Vũ Hương Giang¹, Lê Thị Thanh Xuân¹ và Nguyễn Văn Thành^{1,✉}

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Trung tâm Y tế quận Đống Đa

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 161 nam sinh viên khối Y học Dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn nhằm mô tả kiến thức, thái độ về vi rút và các bệnh do HPV năm 2024 và một số yếu tố liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ nam sinh viên có kiến thức đạt về vi rút và các bệnh do HPV là 55,9%. Tỷ lệ nam sinh viên có thái độ tích cực về vi rút và các bệnh do HPV là 42,9%. Các yếu tố nhóm tuổi, khối học, kênh thông tin liên quan có ý nghĩa thống kê đến kiến thức của đối tượng nghiên cứu, trong khi đó nhóm tuổi và khối học liên quan có ý nghĩa thống kê đến thái độ của họ về vi rút và các bệnh do HPV. Như vậy, kiến thức và thái độ trên nhóm đối tượng sinh viên nam còn hạn chế, cần mở rộng, đẩy mạnh các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao kiến thức vi rút và bệnh do HPV cho đối tượng nam giới.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, HPV, nam giới, sinh viên.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

HPV (Human Papillomavirus) là vi rút gây u nhú ở người, ảnh hưởng đến cả nam và nữ. HPV được lây truyền chủ yếu thông qua tiếp xúc da, quan hệ tình dục qua đường âm đạo, hậu môn, hoặc miệng với người nhiễm vi rút, gây bệnh trên biểu mô da và niêm mạc. Đây cũng là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến ung thư cổ tử cung, mụn cóc sinh dục, ung thư hầu họng, ung thư âm đạo, ung thư dương vật và ung thư hậu môn.¹ Nghiên cứu tìm hiểu về gánh nặng của bệnh tật liên quan HPV chỉ ra rằng các loại HPV có liên quan đến 93% bệnh ung thư hậu môn, 40% bệnh ung thư dương vật và 90% gây ra mụn cóc sinh dục.² Mỗi năm ở Hoa Kỳ, có khoảng 46.711 trường hợp ung thư

mới được phát hiện liên quan đến HPV trong đó 25.689 ca ở nữ và 21.022 ca ở nam. Ung thư cổ tử cung là loại ung thư liên quan đến HPV phổ biến nhất ở nữ giới thì ung thư vòm họng là loại ung thư phổ biến nhất ở nam giới.³ Nghiên cứu của Yuan Meiwen và cộng sự, năm 2016, ở nam giới có 7645 trường hợp mắc các bệnh ung thư do nhiễm HPV trong đó có 3865 ca tử vong.⁴ Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới, năm 2023, tại Việt Nam, về các bệnh ung thư có liên quan đến HPV, tỷ lệ nam giới mắc các bệnh ung thư vòm họng, ung thư khoang miệng, ung thư thanh quản, và ung thư bộ phận sinh dục do HPV gây ra luôn cao hơn nữ giới.⁵ Tại Việt Nam, nhóm sinh viên khối ngành Y học dự phòng có nhiệm vụ tư vấn, thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin HPV cho cộng đồng cho cả nam và nữ. Hiện nay, tại Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu về kiến thức, thái độ về HPV ở nam giới nên chúng tôi tiến hành nghiên cứu với nhằm mô tả kiến thức, thái độ về vi

Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Thành

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: thanhnv@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 09/05/2024

Ngày được chấp nhận: 17/05/2024

rút, bệnh liên quan HPV và yếu tố liên quan trên nam sinh viên khối ngành Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024, nhằm mục đích tạo tiền đề cho những nghiên cứu, chương trình can thiệp nâng cao kiến thức về HPV cho đối tượng nam giới tại Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn

Sinh viên nam giới từ Y1 - Y6 đang theo học chương trình đào tạo chính quy chuyên ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại Trường Đại học Y Hà Nội đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Những sinh viên không đồng ý tham gia hoặc vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang được thực hiện tại Trường Đại học Y Hà Nội từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Áp dụng phương pháp lấy mẫu toàn bộ. Toàn bộ sinh viên nam từ Y1 đến Y6 ngành Y học Dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội đạt tiêu chuẩn lựa chọn, đã đồng ý tham gia nghiên cứu. Tổng số có 161 sinh viên nam đồng ý tham gia nghiên cứu (chiếm 97,6% toàn bộ sinh viên nam).

Nội dung nghiên cứu

Tiến hành thu thập số liệu nghiên cứu bằng cách phỏng vấn nam sinh viên tham gia bằng bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế sẵn dựa trên hướng dẫn dự phòng HPV của Bộ Y tế và tham khảo từ nghiên cứu của tác giả Lê Văn Hội năm 2016, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Phượng năm 2018.^{6,7} Bộ công cụ và nội dung đã điều chỉnh để phù hợp với đối tượng trong quá trình thử nghiệm. Bộ công cụ có nhóm câu hỏi:

Nhóm thông tin chung: tuổi, khối học, nơi ở hiện tại, chu cấp hàng tháng, tiếp cận thông tin.

Nhóm kiến thức: Kiến thức về vi rút (HPV),

kiến thức về bệnh do HPV (11 câu).

Nhóm thái độ: Mức độ lo lắng khả năng lây và mắc bệnh do HPV (5 câu).

Xử lý số liệu

Số liệu định lượng được làm sạch và nhập vào phần mềm Epidata 3.1, xử lý và phân tích bằng phần mềm STATA 14.2. Các đánh giá về kiến thức, thái độ được tham khảo theo nghiên cứu của tác giả Lê Văn Hội năm 2018, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Phượng năm 2018.^{6,7} Kiến thức về vi rút HPV có 3 câu hỏi, về bệnh do HPV có 8 câu hỏi. Tổng điểm kiến thức tối đa là 15 điểm. Đánh giá kiến thức về vi rút và bệnh do HPV đạt nếu tổng điểm đạt từ 8 điểm trở lên (> 50% tổng điểm). Biến phụ thuộc là kiến thức đạt/chưa đạt. Thái độ về HPV và bệnh do HPV được đánh giá qua mức độ lo lắng khả năng lây và mắc bệnh do HPV. Tổng điểm thái độ tối đa là 5 điểm. Đánh giá thái độ về khả năng lây và mắc bệnh do HPV là tích cực nếu tổng điểm đạt từ 3 điểm trở lên (> 50% tổng điểm). Biến phụ thuộc là thái độ tích cực/chưa tích cực.

Các phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để thu thập các kết quả tần số, tỷ lệ, độ lệch chuẩn... về các số liệu của nghiên cứu. Mô hình hồi quy logistic đơn biến được sử dụng để phân tích các mối liên quan giữa các biến độc lập (gồm các biến thông tin chung của đối tượng) với kiến thức (đạt, chưa đạt) và thái độ (tích cực, chưa tích cực) về khả năng lây và mắc bệnh do HPV gây ra của đối tượng nghiên cứu.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua đề cương tại Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội theo quyết định 221/QĐ-ĐHYHN ngày 26/01/2024. Sinh viên tham gia tự nguyện được cung cấp đầy đủ thông tin về nghiên cứu. Mọi thông tin đều được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

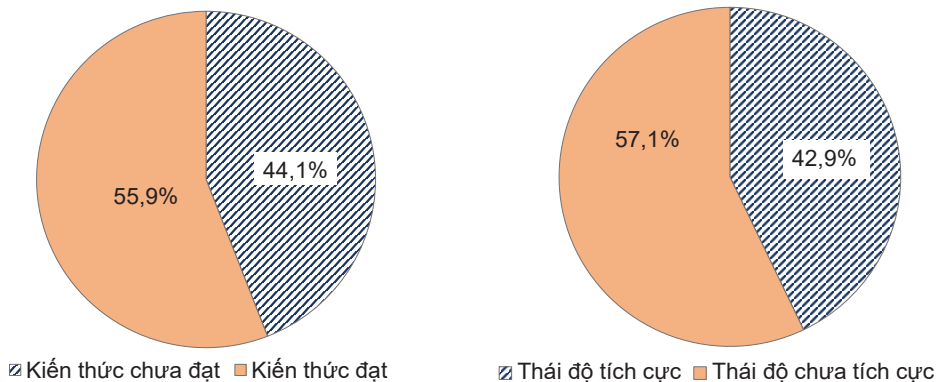
III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 161)

	Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Khối học	Y1 - Y3	105	65,2
	Y4 - Y6	56	34,8
Nhóm tuổi	< 22 tuổi	100	62,1
	≥ 22 tuổi	61	37,9
Nơi ở hiện tại	Với gia đình	59	36,6
	Ký túc xá trường/Thuê nhà/Khác	102	63,4
Nguồn tiếp cận thông tin hàng ngày	Các mạng xã hội (như facebook, zalo...)	154	95,6
	Tivi/Các trang báo điện tử	78	48,4
Số tiền gia đình chu cấp hàng tháng	< 3 triệu đồng	88	54,7
	≥ 3 triệu đồng	73	45,3

Trong số 161 sinh viên nam ngành bác sĩ Y học dự phòng, phần lớn đối tượng ở khối Y1 - Y3 (65,2%), trong nhóm tuổi < 22 tuổi (62,1%), đang ở ký túc xá/thuê nhà/khác (63,4%). Hầu

hết đối tượng có nguồn tiếp cận thông tin hàng ngày là qua mạng xã hội (95,6%) và hơn ½ đối tượng được gia đình chu cấp hàng tháng < 3 triệu đồng (54,7%).



Biểu đồ 1. Phân loại kiến thức, thái độ về vi rút và bệnh do HPV (n = 161)

Kết quả của biểu đồ 1 cho thấy, tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đạt về vi rút và các bệnh do HPV chiếm 55,9%. Có tới 57,1% đối tượng nghiên cứu có thái độ chưa tích cực về vi rút và các bệnh do HPV.

Kết quả bảng 2 cho thấy gần 90% đối tượng tham gia biết cả nam và nữ giới là đối tượng đều có nguy cơ nhiễm HPV. Hơn 60% đối

tượng biết về đường lây truyền HPV là tiếp xúc qua da và qua âm đạo, hậu môn hoặc tình dục bằng miệng. Kiến thức của đối tượng về các bệnh có thể mắc khi nhiễm HPV chiếm nhiều nhất là mụn cóc sinh dục (31,9%). Gần ¾ đối tượng (71,4%) đối tượng biết rằng HPV là yếu tố nguy cơ gây các bệnh liên quan tại cơ quan sinh dục ở nam giới. Tuy nhiên, kiến thức về

Bảng 2. Kiến thức về vi rút HPV (n = 115)

	Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
<i>Nguy cơ nhiễm HPV</i>	Cả nam và nữ	99	86,1
	Chỉ nam/chỉ nữ/không biết	16	13,9
<i>*Đường lây truyền của HPV</i>	Tiếp xúc qua da	39	17,7
	Âm đạo, hậu môn hoặc TD bằng miệng	105	47,7
	Sai/Không biết	76	34,6
<i>*Các bệnh có thể mắc khi nhiễm HPV ở nam giới</i>	Mụn cóc sinh dục	89	31,9
	Ung thư dương vật	71	25,5
	Ung thư hầu họng	49	17,6
	Ung thư hậu môn	50	17,9
	Khác (sùi mào gà)	2	0,7
<i>QHTD với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh do HPV</i>	Đúng	135	83,8
	Sai/Không biết	26	16,2
<i>HPV là một yếu tố nguy cơ dẫn đến phát triển các bệnh liên quan</i>	Đúng	115	71,4
	Sai/Không biết	46	28,6
<i>Hầu hết nam giới không bị nhiễm vi rút gây u nhú ở người HPV</i>	Sai	72	44,7
	Đúng/Không biết	89	55,4
<i>Một người có thể bị nhiễm HPV mà không biết</i>	Đúng	121	75,1
	Sai/Không biết	40	24,9
<i>Người nhiễm HPV sẽ mang vi rút đó suốt đời</i>	Sai	43	26,7
	Đúng/Không biết	118	73,3
<i>Nhiễm HPV có thể tự khỏi mà không cần điều trị</i>	Đúng	26	16,1
	Sai/Không biết	135	83,9
<i>Nhiễm HPV có thể được điều trị bằng kháng sinh</i>	Sai	51	31,7
	Đúng/Không biết	110	68,3
<i>Bao cao su là biện pháp hiệu quả phòng lây nhiễm HPV</i>	Đúng	119	73,9
	Sai/Không biết	42	26,1

(*câu nhiều lựa chọn)

điều trị HPV còn nhiều hạn chế, chỉ hơn ¼ số sinh viên (26,7%) trả lời đúng cho câu hỏi “người nhiễm HPV phải mang vi rút đó suốt đời”. 26/115 sinh viên biết rằng “Nhiễm HPV có

thể tự khỏi mà không cần điều trị”. Mặc dù, vậy về biện pháp phòng ngừa, có tới 73,9% sinh viên tin rằng bao cao su là biện pháp hiệu quả phòng lây nhiễm HPV.

Bảng 3. Mức độ lo lắng khả năng lây nhiễm và mắc bệnh do HPV (n = 161)

	Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
<i>Mức độ lo lắng khả năng lây nhiễm vi rút HPV</i>	Hơi lo lắng/ Rất lo lắng	61	37,9
	Hoàn toàn không lo lắng/ Không lo lắng/ Bình thường	100	62,1
<i>Mức độ lo lắng với khả năng mắc ung thư dương vật</i>	Hơi lo lắng/ Rất lo lắng	70	43,5
	Hoàn toàn không lo lắng/ Không lo lắng/ Bình thường	91	56,5
<i>Mức độ lo lắng với khả năng mắc mụn cóc sinh dục</i>	Hơi lo lắng/ Rất lo lắng	64	39,8
	Hoàn toàn không lo lắng/ Không lo lắng/ Bình thường	97	60,2
<i>Mức độ lo lắng với khả năng mắc ung thư hầu họng</i>	Hơi lo lắng/ Rất lo lắng	72	44,7
	Hoàn toàn không lo lắng/ Không lo lắng/ Bình thường	89	55,4
<i>Mức độ lo lắng với khả năng mắc ung thư hậu môn</i>	Hơi lo lắng/ Rất lo lắng	67	41,6
	Hoàn toàn không lo lắng/ Không lo lắng/ Bình thường	94	58,4

Bảng 3 trình bày về mức độ lo lắng về khả năng lây và mắc bệnh do HPV. Kết quả cho thấy chỉ 37,9% đối tượng lo lắng về khả năng lây nhiễm HPV. Về mức độ lo lắng mắc các

bệnh liên quan đến HPV như ung thư dương vật, mụn cóc sinh dục, ung thư hầu họng, ung thư hậu môn được đánh giá gần tương tự nhau (39,8% - 44,7%).

Bảng 4. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về vi rút và các bệnh do HPV (n = 161)

Các yếu tố liên quan	Kiến thức đạt		OR (95% CI)	
	n	%		
<i>Nhóm tuổi</i>	< 22 tuổi	46	46,0	1
	≥ 22 tuổi	44	72,1	3,03 (1,53 - 6,02)**
<i>Nhóm khối học</i>	Y1 - Y3	49	46,7	1
	Y4 - Y6	41	73,2	3,12 (1,54 - 6,32)**
<i>Nơi ở hiện tại</i>	Ở với gia đình	34	57,6	1
	Ký túc xá/ Thuê nhà/ Khác	56	54,9	0,89 (0,46 - 1,70)

Các yếu tố liên quan	Kiến thức đạt		OR (95% CI)	
	n	%		
Số tiền chu cấp hàng tháng	≥ 3 triệu đồng	44	60,0	1
	< 3 triệu đồng	46	52,0	0,72 (0,38 - 1,35)
Kênh tiếp cận thông tin hằng ngày	Các mạng xã hội (Facebook, Zalo...)	52	48,1	1
	Tivi/Trang báo điện tử	38	71,7	2,72 (1,34 - 5,53)**

* $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Bảng 4 sử dụng mô hình hồi quy logistic đơn biến để mô tả các yếu tố liên quan đến kiến thức về vi rút và các bệnh do HPV. Kết quả phân tích hồi quy logistic đơn biến cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức đạt về vi rút và các bệnh do HPV và nhóm tuổi, nhóm khối học, kênh tiếp cận thông tin hằng ngày. Những đối tượng nghiên

cứu nhóm từ trên 22 tuổi có kiến thức đạt cao hơn 3,03 lần so với nhóm dưới 22 tuổi (95% CI:1,53 - 6,02), nhóm khối học từ Y4 - Y6 có kiến thức đạt cao hơn 3,12 lần nhóm còn lại (95% CI:1,54 - 6,32). Nhóm có tiếp cận với kênh tivi/trang báo điện tử có kiến thức đạt cao hơn 2,72 lần nhóm tiếp cận qua kênh mạng xã hội (95% CI:1,34 - 5,53).

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến thái độ về khả năng lây và mắc các bệnh do HPV (n = 161)

Các yếu tố liên quan	Thái độ tích cực		OR (95% CI)	
	n	%		
Nhóm tuổi	≥ 22 tuổi	13	21,3	1
	< 22 tuổi	56	56,0	4,70 (2,27 - 9,74)***
Khối học	Từ Y4 - Y6	11	19,6	1
	Từ Y1 - Y3	58	55,2	5,04 (2,35 - 10,82)***
Nơi ở hiện tại	Ở với gia đình	25	42,4	1
	Ký túc xá/Thuê nhà/ Khác	44	43,1	1,03 (0,54 - 1,97)
Chu cấp hàng tháng	≥ 3 triệu đồng	31	42,0	1
	< 3 triệu đồng	38	43,0	1,03 (0,55 - 1,93)
Kênh tiếp cận thông tin hằng ngày	Tivi/Trang báo điện tử	18	34,0	1
	Các mạng xã hội (Facebook, Zalo...)	51	47,2	1,74 (0,88 - 3,44)

* $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Bảng 5 sử dụng mô hình hồi quy logistic đơn biến và đa biến để mô tả các yếu tố liên quan đến thái độ về vi rút và các bệnh do HPV. Kết quả phân tích logistic đơn biến cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thái độ tích cực về vi rút và các bệnh do HPV và nhóm tuổi, nhóm khối học. Những đối tượng nghiên cứu nhóm dưới 22 tuổi có thái độ tích cực cao hơn 4,7 lần so với nhóm từ trên 22 tuổi (95% CI: 2,27 - 9,74), nhóm khối học từ Y1 - Y3 có thái độ tích cực cao hơn 5,04 lần nhóm còn lại (95% CI: 2,35 - 10,82). Tuy nhiên, trong mô hình hồi quy logistic đa biến thì chưa tìm thấy yếu tố liên quan nào.

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ phân loại nam sinh viên có kiến thức đạt về vi rút và bệnh do HPV là 55,9%, kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu trên sinh viên của tác giả Ngô Thị Huyền với 54,8% sinh viên nam có kiến thức đúng tại trường Đại học Đại Nam năm 2023.⁸ Có thể thấy hiệu quả của truyền thông, hướng dẫn của Bộ Y tế về lây nhiễm HPV những năm gần đây đã cung cấp tác động tốt tới bộ phận một số sinh viên dù vậy kiến thức chung của sinh viên còn nhiều hạn chế. Với kết quả nghiên cứu cho thấy đối tượng của nam sinh viên của chúng tôi có nhận thức tốt về đối tượng có nguy cơ nhiễm ở cả nam và nữ là (89,1%), tuy nhiên kiến thức về khả năng lây truyền và bệnh do HPV gây ra thì còn nhiều hạn chế. Đối chứng tương đồng với nghiên cứu của Tom Nadarzynski và cộng sự trên đối tượng nam giới trong cộng đồng MSM cho thấy phần lớn hiểu biết của đối tượng về HPV chủ yếu liên quan đến ung thư cổ tử cung và các vấn đề sức khỏe ở bộ phận sinh dục nữ; họ thậm chí không có sự hiểu biết nào giữa HPV và mụn cóc sinh dục, cũng như nhận thức về bệnh ung thư liên quan tới HPV.⁹ Thái độ tích cực sinh viên nam sinh viên về khả năng lây nhiễm

và mắc bệnh do HPV là 42,9%. Tỷ lệ này tương đồng so với một số nghiên cứu trên sinh viên nam giới.¹⁰

Mô hình hồi quy logistic đơn biến của chúng tôi cho thấy có mối liên quan giữa nhóm tuổi, nhóm khối học với sinh viên nam có kiến thức đạt về vi rút và bệnh do HPV. Cụ thể, nhóm người trên 22 tuổi có kiến thức tốt hơn nhóm còn lại, kết quả này tương tự với một nghiên cứu trên sinh viên đại học tại Ấn Độ của tác giả Shazia Rashid (2016). Trong đó, những người tham gia có tuổi lớn hơn sẽ có kiến thức về HPV và các bệnh cao hơn 1,458 lần những người ít tuổi hơn ($p = 0,001$).¹¹ Đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm Y4 - Y6 của chúng tôi có kiến thức cao hơn nhóm Y1 - Y3, nguyên nhân có thể do sinh viên Y4 - Y6 hiện đang được đi học lâm sàng tại các chuyên khoa (bao gồm ngoại, sản và truyền nhiễm) khiến họ có nhiều cơ hội tiếp xúc với các bệnh và kiến thức liên quan đến HPV nhiều hơn. Điều này cũng giống với nghiên cứu của tác giả K.Swarnapriya trên đối tượng sinh viên y tại Ấn Độ (2015) khi sinh viên năm cuối có kiến thức liên quan đến HPV cao gấp 3,614 (95% CI: 2,055 - 6,356) lần những sinh viên năm nhất, cũng trong một nghiên cứu khác ở Nam Ấn Độ của tác giả Seemitha Shetty khi nhóm sinh viên được đi học lâm sàng tại các chuyên khoa có kiến thức cao hơn 2,31 (95% CI: 1,75 - 3,05) lần nhóm chưa đi học lâm sàng.^{12,13} Ngoài ra, những sinh viên tiếp cận thông tin hằng ngày qua tivi và các trang báo điện tử cũng có kiến thức về HPV cao hơn nhóm sinh viên tiếp cận thông tin qua các mạng xã hội. Tương tự nghiên cứu của chúng tôi, nghiên cứu của tác giả Salima Kasymova trên sinh viên Đại học ở Nam Carolina (2019) cũng cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức về HPV với nguồn thông tin tiếp cận từ báo chí ($p < 0,01$) và tivi ($p = 0,03$) và không có mối liên quan với nguồn thông tin về HPV từ internet

với kiến thức về HPV.¹⁴ Đây là một phát hiện hay trong nghiên cứu của chúng tôi, nhằm đưa ra khuyến nghị kênh tiếp cận phù hợp cho các chiến lược can thiệp về sau nhằm nâng cao kiến thức cho cộng đồng, đặc biệt là đối tượng nam giới.

Liên quan giữa các biến độc lập đến thái độ về vi rút và bệnh do HPV, kết quả phân tích đơn biến cho thấy 2 yếu tố liên quan đến thái độ về vi rút và bệnh do HPV của đối tượng nghiên cứu là nhóm tuổi và nhóm khối học. Trong nghiên cứu của tác giả Michele Sorrentino trên sinh viên y khoa của miền Nam nước Ý (2023), không có mối liên quan giữa điểm thái độ về vi rút HPV, các bệnh và vắc xin HPV với tuổi của đối tượng nghiên cứu nhưng lại có mối liên quan với năm học của đối tượng, cụ thể sinh viên năm thứ 6 có thái độ tốt hơn 2,163 lần sinh viên năm nhất (95% CI: 1,165 - 4,024).¹⁰ Nguyên nhân của sự khác biệt này có lẽ do nghiên cứu của họ thực hiện trên đối tượng cả nam giới và nữ giới với phạm vi và quy mô rộng hơn, còn nghiên cứu của chúng tôi chỉ thực hiện trên nam sinh viên của một chuyên ngành, ngoài ra sự khác nhau về chiến lược truyền thông tiêm chủng giữa các châu lục và khu vực cũng tạo ra sự khác biệt về thái độ của đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu của chúng tôi chưa tìm thấy mối liên quan về kiến thức và thái độ những sinh viên đã kết hôn và chưa kết hôn.

Bên cạnh những kết quả thu được khả quan, nghiên cứu của chúng tôi cũng có một số hạn chế sau: nghiên cứu tiến hành trên đối tượng nam sinh viên của một chuyên ngành tại Trường Đại học Y Hà Nội nên chưa mang tính đại diện cho quần thể. Nghiên cứu của chúng tôi chưa đề cập đến các câu hỏi liên quan xu hướng tình dục của đối tượng nghiên cứu, điều này hạn chế khả năng so sánh với các nghiên cứu khác. Mặc dù có một số hạn chế trên, tuy

nhiên nghiên cứu cũng đã cung cấp cơ sở quan trọng trong công tác nâng cao kiến thức, thực hành tiêm phòng vắc xin HPV, đặc biệt cho đối tượng là nam giới trẻ tuổi.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nam sinh viên có kiến thức đạt về vi rút và các bệnh do HPV là 55,9%. Tỷ lệ nam sinh viên có thái độ tích cực về khả năng lây nhiễm và mắc các bệnh do HPV là 42,9%. Các yếu tố nhóm tuổi, khối học, kênh thông tin có liên quan đến kiến thức. Về thái độ tích cực ghi nhận có 2 yếu tố liên quan là nhóm tuổi và khối học. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị cần mở rộng, đẩy mạnh các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao kiến thức vi rút và bệnh do HPV cho sinh viên khối Y học dự phòng, đặc biệt đối tượng là nam giới độ tuổi dưới 22 tuổi, sinh viên Y khối Y1, Y2, Y3 qua các kênh thông tin ti vi, trang báo điện tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CDC US. Basic Information about HPV and Cancer. Published September 12, 2023. https://www.cdc.gov/cancer/hpv/basic_info/index.htm. Published September 12, 2023. Accessed April 17, 2024.
2. Joseph DA, Miller JW, Wu X, et al. Understanding the burden of human papillomavirus-associated anal cancers in the US. *Cancer*. 2008;113(10 Suppl):2892-2900. doi:10.1002/cncr.23744. Accessed April 17, 2024. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/18980293/>
3. CDC. How Many Cancers Are Linked with HPV Each Year? Published September 13, 2023. Accessed April 17, 2024. <https://www.cdc.gov/cancer/hpv/statistics/cases.htm>
4. Yuan MW, Wang HH, Duan RF, et al. Analysis on cancer incidence and mortality

- attributed to human papillomavirus infection in China, 2016. *Zhonghua Liu Xing Bing Xue Za Zhi Zhonghua Liuxingbingxue Zazhi*. 2022;43(5):702-708. doi:10.3760/cma.j.cn112338-20211010-00777
5. Bruni L, Barrionuevo-Rosas L, Albero G, et al. Human papillomavirus and related diseases report. *ICOIARC Inf Cent HPV Cancer HPV Inf Cent*. 2019;7:26-42.
6. Lê Văn Hội. Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội. 2019.
7. Nguyen Thi Ngoc Phuong. Factors Associated with the HPV Vaccination among Child-Bearing Aged Women in Hanoi, Vietnam. *National Cancer Center Graduate School of Cancer Science and Policy*; 2018.
8. Ngô Thị Huyền. Kiến thức, thái độ và sự tuân thủ tiêm phòng vaccine HPV của sinh viên điều dưỡng và y đa khoa tại trường Đại học Đại Nam. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023;529(2). doi:10.51298/vmj.v529i2.6500
9. Nadarzynski T, Smith H, Richardson D, et al. Human papillomavirus and vaccine-related perceptions among men who have sex with men: a systematic review. *Sex Transm Infect*. 2014;90(7):515-523. doi:10.1136/sextrans-2013-051357
10. Sorrentino M, Mercogliano M, Esposito F, et al. Identification of organizational barriers to HPV vaccination uptake in medical students in southern Italy: a cross-sectional study. *Front Public Health*. 2023;11. doi:10.3389/fpubh.2023.1272630
11. Rashid S, Labani S, Das BC. Knowledge, awareness and attitude on HPV, HPV vaccine and cervical cancer among the college students in India. *PloS One*. 2016;11(11):e0166713.
12. Swarnapriya K, Kavitha D, Reddy GMM. Knowledge, Attitude and Practices Regarding HPV Vaccination Among Medical and Para Medical in Students, India a Cross Sectional Study. *Asian Pac J Cancer Prev APJCP*. 2015;16(18):8473-8477. doi:10.7314/apjcp.2015.16.18.8473
13. Shetty S, Prabhu S, Shetty V, et al. Knowledge, attitudes and factors associated with acceptability of human papillomavirus vaccination among undergraduate medical, dental and nursing students in South India. *Hum Vaccines Immunother*. 2019;15(7-8):1656-1665. doi:10.1080/21645515.2019.1565260
14. Kasymova S, Harrison SE, Pascal C. Knowledge and Awareness of Human Papillomavirus Among College Students in South Carolina. *Infect Dis*. 2019;12:1178633718825077. doi:10.1177/1178633718825077

Summary

KNOWLEDGE, ATTITUDE ABOUT HPV AND HPV-RELATED DISEASES AMONG MALE MEDICAL STUDENTS SPECIALIZED IN PREVENTIVE MEDICINE

A cross-sectional descriptive study was conducted on 161 male undergraduate students majoring in Preventive Medicine at Hanoi Medical University through face-to-face interviews using a pre-designed questionnaire. The study aims to describe knowledge, attitudes towards human papillomavirus (HPV) and HPV-related diseases in 2024 and associated factors. The study results showed that the proportion of male students with adequate knowledge about HPV and HPV-related diseases was 55.9%. The proportion of male students with a positive attitude towards HPV and HPV-related diseases was 42.9%. Age group, academic year, and information channels were related to the knowledge of the study subjects, while age group and academic year were associated with their attitudes towards HPV and HPV-related diseases. The results showed that male students' knowledge and attitudes remain limited. Therefore, it is necessary to expand and promote health education and communication programs to improve the knowledge of the virus and HPV disease for male.

Keywords: Knowledge, attitude, HPV, male, students.